TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TAN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Ông Nguyễn Hồng Thái.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 312/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2021 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Khắc Q, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang**;** vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/10/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Tô Khắc Q trình bày:

- Về hôn nhân: Giữa Tôi với cô T do 02 người quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý, chúng tôi cưới nhau vào năm 2002. Chúng tôi có đi đang ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 139/HT, quyển số 0I/2005, ngày 21/10/2005. Sau khi cưới nhau thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung,

chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Tôi nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc. Xin được ly hôn với cô T.

- Về con chung: Tôi với cô T có với nhau một đứa con chung tên Tô Thị Mộng K, sinh ngày 24/02/2003 hiện đang sống với cô T. Con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tôi với cô T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi với cô T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt các văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do;

Biên bản xác minh ngày 16/3/2022 của lãnh đạo ấp A, xã H cung cấp về tình trạng hôn nhân của ông Q với bà T thể hiện: Ông Tô Khắc Q với bà Nguyễn Thị T quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn, sinh sống tại ấp A, xã H. Trong quá trình sống chung giữa hai người có nảy sinh mâu thuẫn cự cãi nhau, đến năm 2020 thì hai vợ chồng bán nhà tại ấp A, xã H, ông Q về nhà cha mẹ ruột tại ấp B, xã H. Bà T lên Thành Phố Hồ Chí Minh làm thuê không thấy hai người về sống chung với nhau tới nay. Hai người có với nhau một đứa con chung tên Tô Thị Mộng K.

Biên bản xác minh ngày 14/3/2022 Công an xã H cung cấp: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang, theo hồ sơ hộ khẩu số 2986 do ông Tô Khắc Q làm chủ hộ. Hiện bà T vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do bà T vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 16/3/2022 của lãnh đạo ấp A, xã H, biên bản xác minh ngày 14/3/2022 của Công an xã H, biên bản không lấy được lời khai của bà T.

Tại phiên tòa, ông Q giữ nguyên yêu cầu, bà T vắng mặt,

Ông Q xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; bà T không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, ông Tô Khắc Q với bà Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2020 giữa ông Q với bà T có phát sinh mâu thuẫn. Ông Q với bà T đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Q với bà T có 01 con chung tên Tô Thị Mộng K, sinh ngày 24/3/2003, hiện con đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Ông Tô Khắc Q khởi kiện "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" với bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 14/3/2022 Công an xã H cung cấp: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang, theo hồ sơ hộ khẩu số 2986 do ông Tô Khắc Q làm chủ hộ. Hiện bà T vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị T vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Khắc Q với Bà Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139/HT, quyển số 0I/2005, ngày 21/10/2005. Xét, hôn nhân giữa ông Q và bà T là hợp pháp.

Ông Q khai, quá trình chung sống ông Q và bà T phát sinh mẫu thuẫn, Nguyên nhân do trong cuộc sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung 02 người đã không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Tình cảm của ông Q đối với bà T không còn, yêu cầu ly hôn với bà T.

Biên bản xác minh ngày 16/3/2022 của lãnh đạo ấp A, xã H cung cấp về tình trạng hôn nhân của ông Q với bà T thể hiện: Ông Tô Khắc Q với bà Nguyễn Thị T quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn, sinh sống tại ấp A, xã H. Trong quá trình sống chung giữa hai người có nảy sinh mâu thuẫn cự cãi nhau, đến năm 2020 thì hai vợ chồng bán nhà tại ấp A, xã H, ông Q về nhà cha mẹ ruột tại ấp B, xã H.

Bà T lên Thành Phố Hồ Chí Minh làm thuê không thấy hai người về sống chung với nhau tới nay.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, "Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,… và lý do chính đáng khác";

"Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau".

Ông Q với bà T có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa ông Q với bà T đã sống xa cách nhau từ năm 2020 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của ông Q ly hôn đối với bà T.

[3] Về con chung: Ông Q với bà T, trong thời kỳ hôn nhân hai người có 01 con chung tên Tô Thị Mộng K, sinh ngày 24/02/2003, hiện con đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q khai giữa ông với bà T không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này bà T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T với ông Q có tài sản, nợ chung thì bà T vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông Tô Khắc Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Q được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006047 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Khắc Q.

Về hôn nhân: Ông Tô Khắc Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị T;

Giấy chứng nhận kết hôn số 139/HT, quyển số 0I/2005, ngày 21/10/2005 do UBND xã H, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho ông Tô Khắc Q với bà Nguyễn Thị T không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Ông Tô Khắc Q với bà Nguyễn Thị T có 01 đứa con chung tên Tô Thị Mộng K, sinh ngày 24/02/2003 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này bà Nguyễn Thị T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T với ông Q có tài sản, nợ chung thì bà T vẫn có quyền khởi kiện ông Q ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Về án phí: Ông Tô Khắc Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Q được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006047 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án ông Tô Khắc Q có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Vĩnh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh